

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường tháng 03 năm 2020 trên địa bàn huyện Nga Sơn

Thực hiện Công văn số 1115/STC-QLCS-GC, ngày 02/04/2019 của Giám đốc sở Tài chính Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 06/CT-BTC ngày 24/12/2018 của Bộ Tài chính về việc đôn đốc thực hiện báo cáo theo Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 20/3/2019 và Công văn số 2371/STC-QLCSGC ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện chế độ báo cáo giá cả thị trường hàng tuần phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; UBND huyện Nga Sơn báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 03 năm 2020, cụ thể như sau:

I. Tổng quan về tình hình thị trường, giá cả trong kỳ:

Không có biến động lớn về giá trong tất cả các mặt hàng.

II. Công tác quản lý và điều hành giá tháng 03 năm 2020:

Tiếp tục thực hiện công văn số 177/STC-QLCS –GC ngày 15/01/2019 của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 06/CT-BTC ngày 24/12/2018.

Phòng Tài chính –KH phối hợp với Ban chỉ đạo 389 huyện Nga Sơn, đội quản lý thị trường số 15, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tiến hành kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các quy định pháp luật về đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết.... tại các cửa hàng kinh doanh những mặt hàng thiết yếu, mặt hàng thuộc diện bình ổn giá theo quy định hiện hành, nhất là mặt hàng lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh cho người, xăng xe, dầu, nước sạch, sắt, thép xây dựng và vật liệu xây dựng, dịch vụ vận chuyển hành khách; nhằm ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi, vi phạm theo quy định của Luật giá trong tháng đã kiểm tra và tiến hành xử lý 02 vụ về hành vi không niêm yết giá thu phạt nộp ngân sách nhà nước 1.500.000đồng.

III. Diễn biến một số mặt hàng chủ yếu

1. Lương thực:

Giá lương thực ổn định so với tháng 02/2020 cụ thể như : thóc tẻ lúa lai VT404 giá 7.000đồng/kg, gạo tẻ loại thường 12.000đồng /kg, gạo nếp: 25.000đồng/kg

2. Thực phẩm:

Giá thực phẩm tăng ổn định so với tháng 02/2020 cụ thể như: Thịt bò thăn (loại I) giá: 270.000đồng/kg, Gà mái ta còn sống loại 1,5kg trở lên giá 100.000đồng/kg, thịt lợn mỡ sấn giá: 150.000đồng/kg, thịt lợn than: 150.000đồng/kg

3. Phân bón:

Giá phân ổn định so với tháng 02/2020 cụ thể như sau: Đạm Ure ngoại giá 10.000đồng/kg, Đạm Ure nội giá 10.000đồng/kg

4. Muối:

Giá muối ổn định so với tháng 02/2020 do nguồn cung cấp ổn định, nhu cầu không có nhiều thay đổi cụ thể như: Muối hạt iốt giá 10.000đồng/kg.

5. Đường:

Giá đường ổn định so với tháng 02/2020 do nguồn cung ổn định, nhu cầu không có nhiều thay đổi cụ thể như: Đường trắng tinh luyện 15.000đồng/kg.

6. Giá xăng dầu:

Giá xăng, dầu Diezen giảm so với tháng 02/2020 cụ thể: Dầu Diezen 0.05 giá 13.290 đồng/lít (giảm 1.780 đồng), xăng sinh học E5 RON 92-II giá 16.370 đồng/lít (giảm 2.330đồng/lít), xăng RON 95-III giá 17.140đồng/lít giảm 2.360 đồng/lít).

(Có phụ lục giá thị trường tháng 03/2020 kèm theo)

Vậy UBND huyện Nga Sơn trân trọng báo cáo./ *lm*

Nơi nhận:

- Sở Tài Chính (B/c);
- Lưu VT, TCKH.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Ngọc Duy
Đỗ Ngọc Duy

[illegible]

[illegible]

[illegible]

38	0.4.0004	Cát vàng	Mau rời dưới 2m ³ /lần, tại nơi cung ứng(không phải nơi khai thác)	đ/m ³							
39	0.4.0005	Cát đen đỏ nền	Mau rời dưới 2m ³ /lần, tại nơi cung ứng(không phải nơi khai thác)	đ/m ³							
40	0.4.0006	Gạch xây	Gạch ống 2 lỗ, cỡ rộng 10 x dài 22,loại 1,mua rời lại nơi cung ứng hoặc tương	d/ viên							
41	0.4.0007	Ông nhựa	Phi 90 loại 1	đ/m							
42	0.4.0008	Gas đun	Loại bình 12kg (không kể tiền bình)	đ/kg							Ghi rõ nhãn hiệu
43	0.4.0009	Nước sạch sinh hoạt	Ghi rõ tên doanh nghiệp cung cấp, địa bàn cung cấp	đ/m ³							Trung bình 10m ³ đầu tiên
V	0 5	THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI									
44	0 5.0001	Thuốc tim mạch	Hoạt chất Amlodipin 10 mg hoặc Hoạt chất Atorvastatin 10mg hoặc Hoạt chất Nifedipin 20mg			520	504	-16			Ghi rõ tên thương mại, xuất xứ, quy cách đóng gói, đường dùng (uống, tiêm...) nhà sản xuất
45	0 5.0002	Thuốc chống nhiễm, điều trị kỳ sinh trùng	Hoạt chất Cefuroxim 500mg hoặc hoạt chất Amoxicilin 500mg			475	2.250	1775			
46	0 5.0003	Thuốc dị ứng và các trường quá mẫn cảm	Hoạt chất Cinnarizin 25mg hoặc hoạt chất Fexofenadin 60mg			890	1.090	200			
47	0 5.0004	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid và thuốc điều trị gut và các bệnh xương	Hoạt chất Paracetamol 500mg hoặc hoạt chất Alpha.Chymotrypsin 4.2mg	đ/ đơn vị đóng gói nhỏ nhất (ví dụ:đ/hộp ,đ/vi		285	480	195			
48	0 5.0005	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	Hoạt chất N-acetylcysteine 200mg	10viên,đ/v i 8 viên,đ/lọ 10ml; đ/ vi 10 ống 2ml		3.580	3.580	0			
49	0 5.0006	Thuốc vitamin và khoáng chất	Vitamin B1 hoặc B6 hoặc B12			600	600	0			
50	0 5.0007	Thuốc đường tiêu hóa	Hoạt chất Omeprazole 20 mg hoặc Hoạt chgeat Domperdone 10mg			319	1.880	1561			
51	0 5.0008	Học môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết	Hoạt chất MethylPrednisolon 4mg hoặc hoạti chất Gliclazid 30 mg hoặc hoạt chất Metformin 500mg			218	218	0			
52	0 5.0009	Thuốc khác	Hoạt chất Sulfamethoxazol 400mg			2.500	1.500	-1000			

[illegible]

[illegible]